

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-PT

Ngày 21-7-2022

V/v tranh chấp về xác định cha cho
con và cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Đoàn Hoài Trí;

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Luông;

Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/HNGĐ-PT, ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp về xác định cha cho con và cấp dưỡng nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử **phúc thẩm số 13/2022/QĐ-PT** ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện D, tỉnh B, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh B, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Thanh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà T có đăng ký kết hôn với ông Phan Văn H, sinh năm 1961 có địa chỉ tại Phường 6, Quận 8, Thành phố H nhưng đã ly thân, không còn chung sống với nhau từ nhiều năm nay nhưng

chưa ly hôn. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà T và ông Phan Văn H có quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật, đồng thời xác định không biết ông Phan Văn H hiện đang ở đâu, làm gì.

Vào năm 2011, bà Nguyễn Thị Thanh T có gặp gỡ, nói chuyện với ông Huỳnh Văn H, sau đó ông H có xin số điện thoại của bà T, hai bên liên lạc với nhau qua điện thoại và nảy sinh tình cảm với nhau. Đến cuối năm 2012, ông Huỳnh Văn H đến nhà bà T tại Ấp T, xã T, huyện D để ở, hai người sống chung với nhau như vợ chồng. Vào các năm 2013 và năm 2016, bà T có mang thai, tuy nhiên ông H đều yêu cầu bà T phải bỏ con vì nếu sinh con sẽ ảnh hưởng đến công việc của ông H nên bà T nghe theo. Cuối năm 2016, bà T tiếp tục mang thai con chung với ông Huỳnh Văn H. Ngày 01/7/2017, bà T sinh con và đặt tên con là Nguyễn Huỳnh Kim N. Ngày 19/7/2017, bà T đến UBND xã T để thực hiện khai sinh cho cháu N và được UBND xã T, huyện D cấp giấy khai sinh (số 185 ngày 19/7/2017), cháu N có số định danh cá nhân là 074317001158. Tại giấy khai sinh của cháu N không có tên người cha vì lúc đó bà T không khai tên cha là ông Huỳnh Văn H vì nghĩ sẽ ảnh hưởng đến công việc của ông H. Đến năm 2018, ông H bỏ bà T và cháu N để đến với người phụ nữ khác, từ đó đến nay ông H không quan tâm, chăm sóc đến bà T và cháu N.

Nay bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án xác định ông Huỳnh Văn H là cha ruột của cháu Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 01/7/2017.

Về vấn đề cấp dưỡng: bà T yêu cầu ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 01/7/2017 mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày: Ông Huỳnh Văn H có vợ tên Lê Thị Thanh T nhưng hiện đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2020 của TAND huyện D. Vào năm 2016, ông Huỳnh Văn H có quen biết với bà Nguyễn Thị Thanh T, hai bên có tình cảm với nhau. Ông H và bà T có qua lại, sống chung với nhau và có quan hệ tình dục với nhau. Giữa ông H và bà T có với nhau 01 người con gái chung tên Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 01/7/2017. Cháu N được UBND xã T, huyện D cấp giấy khai sinh số 185 ngày 19/7/2017. Tại giấy khai sinh của cháu N không có tên người cha vì ông H và bà T lén lút quan hệ tình cảm với nhau nên không thể ghi tên ông H để làm giấy khai sinh cho con được. Đến năm 2018, giữa ông H và bà T có mâu thuẫn với nhau nên hai người không còn chung sống cùng nhau.

Đối với yêu cầu xác định cha cho con, ông H thừa nhận giữa ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 01/7/2017 khi hai người có lén lút quan hệ tình cảm ngoài luồng với nhau.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Huỳnh Kim N mỗi tháng 5.000.000 đồng của bà T thì ông H không đồng ý. Ông H chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Huỳnh Kim N

trưởng thành đủ 18 tuổi, lý do: Hiện nay thu nhập mỗi tháng của ông H là 14.989.929 đồng (mười bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn chín trăm hai mươi chín đồng); hiện ông H phải cấp dưỡng nuôi con tên Huỳnh Đức, sinh ngày 14/9/2016 cho bà Lê Thị Thanh T mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi cháu Đức đủ 18 tuổi theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2020 của TAND huyện D; nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện D với số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 198-TR/2021/HĐ-TD ngày 05/7/2021; ông H và bà Lê Thị Thanh T nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện D với số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5504-LAV-201805423 ngày 15/11/2018; ông H và bà Lê Thị Thanh T nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện D với số tiền 250.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5504LAV201704410 ngày 07/8/2017.

Chứng cứ bị đơn ông H cung cấp: Bản sao kê khoản tiền gửi khách hàng ngày 15/12/2021 của ông Huỳnh Văn H (có xác nhận của Ngân hàng BIDV); bản photo Hợp đồng tín dụng số 198-TR/2021/HĐ-TD ngày 05/7/2021; Hợp đồng tín dụng số 5504-LAV-201805423 ngày 15/11/2018; bản photo Hợp đồng tín dụng số 5504LAV201704410 ngày 07/8/2017; hợp đồng thế chấp tài sản số 18/TCX/2017/HĐTC ngày 07/8/2017.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Huỳnh Văn H về việc “Tranh chấp về xác định cha cho con”.

Xác định ông Huỳnh Văn H là cha ruột của cháu Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 01/7/2017, số định danh cá nhân 074317001158.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Huỳnh Văn H về việc “Cấp dưỡng nuôi con”.

Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 01/7/2017, số định danh cá nhân 074317001158 cho bà Nguyễn Thị Thanh T mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/4/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý với mức cấp dưỡng mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Hiện tại cuộc sống của bà T có nhiều khó khăn, bà T không có nghề nghiệp, một mình nuôi con nhỏ, cháu N cần chu cấp tiền để có điều kiện sinh sống, học tập tốt. Ông H hiện nay ngoài lương thu nhập hàng tháng thì ông H

còn thu nhập từ kinh doanh khác như kinh doanh bất động sản, do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án buộc ông Huỳnh Văn H hàng tháng cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Huỳnh Kim N 2.000.000 đồng là có cơ sở. Bởi vì hiện nay ông H ngoài việc cấp dưỡng cho cháu N thì ông H còn phải cấp dưỡng cho con riêng là cháu Huỳnh Đức mỗi tháng 5.000.000 đồng, ngoài ra ông H còn đang có nghĩa vụ thanh toán 02 khoản vay ngân hàng. Bà T cho rằng ông H có nhiều khoản thu nhập khác nhưng không chứng minh được. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 05/4/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm là trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B về phần con chung đã xác định ông Huỳnh Văn H là cha ruột của cháu Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 01/7/2017, số định danh cá nhân 074317001158. Nguyên đơn và bị đơn đều không kháng cáo về nội dung này. Do đó phần Quyết định của bản án sơ thẩm về việc xác định cha cho con có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị.

[3] Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu buộc ông Huỳnh Văn H phải cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi ; bởi lẽ : nguyên đơn không có việc làm ổn định, thu nhập không đủ đảm bảo nuôi con và cho con đi học, cháu N cần bị đơn chu cấp tiền hàng tháng 5.000.000 đồng để đảm bảo học hành, sinh hoạt vui chơi, đồng thời bị đơn ngoài tiền lương hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng thì bị đơn còn có các khoản thu nhập từ việc kinh doanh bất động sản.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn về mức cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn hiện tại là người có sức khỏe, có khả năng lao động, có chỗ ở ổn định. Về kinh tế: nguyên đơn xác định hiện tại nguyên đơn phụ giúp gia đình bán tạp hóa tại nhà và mức thu nhập hàng tháng là thu nhập chung cùng gia đình cha, mẹ. Do đó, nguyên đơn cũng có thu nhập và cũng phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Kim N.

[5] Theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên,...”. Do bản án sơ thẩm đã

xác định bị đơn ông Huỳnh Văn H là cha cháu Nguyễn Huỳnh Kim N nên Tòa án sơ thẩm buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi cháu N là có căn cứ. Xét thấy, cháu N sinh năm 2017 và hiện đang được nguyên đơn cho đi học mẫu giáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định chi phí mỗi tháng phải đóng tiền ăn học cho cháu N khoảng từ 1.700.000 đồng đến 1.8000.000 đồng, như vậy mức cấp dưỡng mà Tòa án sơ thẩm buộc bị đơn cấp dưỡng hàng tháng cho cháu N 2.000.000 đồng là hợp lý, bởi lẽ như trên đã phân tích thì việc lo cho cháu N ăn học, sinh hoạt, vui chơi không chỉ là nghĩa vụ của mỗi bị đơn mà nguyên đơn cũng có trách nhiệm lo cho cháu N.

[6] Mặt khác, bị đơn hiện nay còn có nghĩa vụ cấp dưỡng cho một người con riêng là cháu Huỳnh Đức mỗi tháng là 5.000.000 đồng theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2020 của TAND huyện D. Đồng thời, có căn cứ xác định bị đơn và bà Lê Thị Thanh T (vợ cũ của bị đơn) đang nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện D số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 198-TR/2021/HĐ-TD ngày 05/7/2021); có nợ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện D số dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5504-LAV-201805423 ngày 15/11/2018 là 120.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn đang thực hiện nghĩa vụ về tài sản tại các tổ chức tín dụng. Thu nhập từ tiền lương của bị đơn phải thực hiện các nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trả nợ cho Ngân hàng, cũng như chi phí sinh hoạt hàng ngày khác. Tại Tòa án phúc thẩm, nguyên đơn cũng không có chứng cứ để chứng minh ngoài khoản thu nhập hàng tháng là tiền lương nêu trên của bị đơn thì bị đơn còn có nguồn thu nhập khác từ việc kinh doanh bất động sản, do đó kháng cáo yêu cầu buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Huỳnh Kim N mỗi tháng 5.000.000 đồng của nguyên đơn là không có căn cứ.

[6] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm về cấp dưỡng là phù hợp.

[8] Các phần khác của Quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm.

[9] Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do đây là tranh chấp về cấp dưỡng nên người kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T

2. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B về phần cấp dưỡng nuôi con.

3. Các phần khác của Quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

3. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải nộp. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0007406 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (21/7/2022)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng
- Tổ HCTP;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đoàn Hoài Trí

Thành viên Hội đồng xét xử

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Đoàn Hoài Trí

